

Bản án số: **42/2024/HNGĐ-ST**
Ngày: 15-5-2024
V/v “Ly hôn giữa ông N với bà L”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÐ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Quang Vinh.
2. Ông Võ Minh Quang.

- Thư ký phiên Tòa: Ông Trần Minh Quyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Lanh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện BÐ, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 470/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 55/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 67/2024/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Trần Văn N, sinh năm 1966 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số 85, khu phố 2, thị trấn CT, huyện CT, tỉnh Bến Tre.

*** Bị đơn:** Đinh Thị Trúc L, sinh năm 1965 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn BÐ, huyện BÐ, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 02/10/2023, những lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, ông Trần Văn N trình bày:

Ông Trần Văn N với bà Đinh Thị Trúc L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1994, đồng thời có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn BÐ, huyện BÐ,

tỉnh Bến Tre. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến năm 2012, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ, chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau và đã ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Hiện tại, ông Trần Văn N không còn tình cảm vợ chồng với bà Đinh Thị Trúc L nữa, nên ông N yêu cầu ly hôn với bà Đinh Thị Trúc L.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên là Trần Trọng Nhân, sinh ngày 01/6/2000; Trần Phương Dung, sinh ngày 16/3/2024. Các con chung đều đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà L đã được Toà án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, tuy N bị đơn Đinh Thị Trúc L từ chối tham gia tố tụng, không hợp tác với Tòa án trong quá trình xét xử vụ án. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 15/4/2024, bà Đinh Thị Trúc L trình bày: Bà Đinh Thị Trúc L đã nhận được giấy triệu tập của Tòa án để tham gia xét xử vụ án ly hôn với ông Trần Văn N nhưng do sức khỏe bà L không tốt nên không tham gia tố tụng được.

Về quá trình chung sống: Bà Đinh Thị Trúc L với ông Trần Văn N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn theo luật định, vợ chồng có 02 con chung tên là Trần Trọng Nhân, sinh ngày 01/6/2000; Trần Phương Dung, sinh ngày 16/3/2024. Năm 2006, kinh tế khó khăn nên ông N đã bỏ đi, từ đó vợ chồng sống ly thân. Nay, ông Trần Văn N yêu cầu ly hôn với bà L, bà L đồng ý.

* Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện BD, tỉnh Bến Tre tham gia phiên Tòa phát biểu ý kiến:

- Về tuân theo pháp luật tố tụng:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn Trần Văn N thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, tuy N bị đơn Đinh Thị Trúc L không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn N đối với bà Đinh Thị Trúc L.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Trần Trọng Nhân, sinh ngày 01/6/2000; Trần Phương Dung, sinh ngày 16/3/2024. Các con chung đều đã thành niên, ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà L không có ý kiến hay yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Văn N khai không có, bà L không có ý kiến hay yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn Đinh Thị Trúc L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà L là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung*:

Ông Trần Văn N với bà Đinh Thị Trúc L tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1999 và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa ông N với bà L được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến năm 2012, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Trong quá trình tố tụng, bị đơn Đinh Thị Trúc L vắng mặt nhưng có lời khai đồng ý ly hôn với ông N. Hội đồng xét xử xét thấy: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như lời khai của ông N trong quá trình giải quyết vụ án, đủ cơ sở xác định đời sống vợ chồng giữa ông Trần Văn N với bà Đinh Thị Trúc L phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn được. Vợ chồng ông N và bà L đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay, đồng thời không có nguyện vọng đoàn tụ để xây dựng cuộc sống gia đình. Ông Trần Văn N yêu cầu ly hôn, bà Đinh Thị Trúc L đồng ý. Từ đó, đủ cơ sở để xác định cuộc sống vợ chồng giữa ông N với bà L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông N là có căn cứ và phù hợp theo quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] *Về nuôi con chung*: Có 02 con chung tên là Trần Trọng Nhân, sinh ngày 01/6/2000; Trần Phương Dung, sinh ngày 16/3/2024. Các con chung đều đã

thành niên, ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà L không có ý kiến hay yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Văn N khai không có, bà L không có ý kiến hay yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

[5] Đối với lời trình bày của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BD về quan điểm giải quyết vụ án: phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Ông N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn N đối với bà Đinh Thị Trúc L.

Cho ly hôn giữa ông Trần Văn N với bà Đinh Thị Trúc L.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Trần Văn N với bà Đinh Thị Trúc L chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên là Trần Trọng Nhân, sinh ngày 01/6/2000; Trần Phương Dung, sinh ngày 16/3/2024. Các con chung đều đã thành niên, ông N không yêu cầu Tòa án giải quyết, bà L không có ý kiến hay yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trần Văn N khai không có, bà L không có ý kiến hay yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Ông Trần Văn N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông N đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000458 ngày 20 tháng 10 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BD, tỉnh Bến Tre.

Như vậy, ông Trần Văn N đã nộp đủ án phí.

Các đương sự ông Trần Văn N, bà Đinh Thị Trúc L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
 - VKSND huyện BĐ;
 - Chi cục THADS huyện BĐ;
 - UBND thị trấn BĐ
- (Số 20 ngày 12/7/1999).
- Các đương sự;
 - Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Đăng Phi